

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-PT

Ngày 30/9/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Sáu

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1960, có mặt

Trú tại: Số nhà 110, phố G, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Ông Hà Văn M, sinh năm 1947, có mặt

Trú tại: Số nhà 265, phố G, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Minh: Ông Trịnh Trọng H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Cẩm V, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hà Văn M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trịnh Thị T trình bày:

Ngày 02/12/2017, bà T cho chị Hà Thị Cẩm V vay số tiền 1.550.000.000đ (Một tỉ năm trăm năm mươi triệu đồng) để đảo sổ ngân hàng và kinh doanh, có viết giấy vay tiền, thời gian vay 06 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; trong giấy vay tiền chị V tự nguyện thế chấp thửa đất số 470 tờ bản đồ số 36 diện tích 315,4m² mà chị Vân đã được UBND huyện Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Ngày 31/01/2018, vợ chồng chị V đến Phòng Công chứng tỉnh Thanh Hóa lập hợp đồng tặng cho ông Hà Văn M (bố chị V) nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất 470. Ngày 13/02/2018, bà T và ông M ký Biên bản thỏa thuận về việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo tiền vay tại Phòng Công chứng Tr. Theo biên bản thỏa thuận, ông M nhận trả nợ số tiền 1.550.000.000đ cho bà T vào ngày 14/02/2019 và lãi tính theo lãi suất ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam từ ngày 14/6/2018. Ông M tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên thửa đất 470 tờ bản đồ số 36 diện tích 315,4m² đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BS732411 do UBND huyện Tr cấp ngày 21/12/2015, vào sổ cấp GCN: CH004252 - số 4082/QĐ-UBND tại địa chỉ số 265, phố G, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa đứng tên Hà Thị Cẩm V. Thửa đất này chị V đã tặng cho ông M bằng Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 31/01/2018. Bà đồng ý để ông M trả nợ thay cho chị V vì thời điểm đó chị V nợ rất nhiều người.

Ông M là người yêu cầu bà đến Phòng công chứng để ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 13/02/2018, thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ, Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất cho bà quản lý. Ông M tự nguyện ký biên bản tại phòng công chứng, không có việc bà ép buộc ông M ký như lời ông M khai.

Bản án số 28/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án tỉnh Thanh Hóa xử Hà Thị Cẩm V 15 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Chị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử chị V 14 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng không giải quyết khoản nợ của bà vì đã có ông M nhận trả nợ thay. Bản án số 28/2019/HSST có nội dung: “Hà Thị Cẩm V đang nợ bà Trịnh Thị T 1.550.000.000đ (Một tỉ năm trăm năm mươi triệu đồng) đến ngày 01/6/2018 mới đến hạn trả nợ. Tuy nhiên, ngày 13/02/2018 bà Trịnh Thị T và ông Hà Văn M đến Phòng công chứng huyện Tr lập biên bản thỏa thuận nội dung ông Hà Văn M nhận trả nợ thay Hà Thị Cẩm V số tiền 1.550.000.000đ đến ngày 14/02/2019 ông M trả đầy đủ tiền gốc cho bà T và ông M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hà Thị Cẩm V tặng cho để bà T quản lý”.

Chị V biết ông M thỏa thuận trả khoản nợ chị vay 1.550.000.000đ và đồng ý cho ông M bán nhà đất để trả tiền cho bà nhưng ông M không bán và cũng không trả được nợ gốc và lãi cho bà.

Bà T cầu Tòa án buộc ông Hà Văn M phải trả số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể: Tiền nợ gốc là: 1.550.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh trong hạn 9%/năm từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/02/2019 là 93.636.986 đồng.

Tiền lãi phát sinh do quá hạn 13,5%/năm từ ngày 15/02/2019 đến ngày 21/5/2021 là 825 ngày là 472.962.328 đồng.

Tổng gốc và lãi phải trả là: 1.550.000.000 đồng + 93.636.986 đồng + 472.962.328 đồng = 2.117.172.602 đồng.

2. Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Hà Văn M trình bày: Ông là bố đẻ của chị Hà Thị Cẩm V. Ông không đồng ý trả số tiền gốc: 1.550.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của bà T vì ông không vay tiền của bà T. Bà T cho con gái ông là chị V vay thì bà T yêu cầu chị V trả. Nếu chị V không có tiền trả thì bà T có quyền bán thửa đất 470 của chị V để lấy nợ.

Ngày 31/01/2018, vợ chồng chị V có tặng cho ông thửa đất 470 tờ bản đồ số 36 diện tích 315,4m² đất ở đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng số BS732411 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 21/12/2015 tại địa chỉ số 265, phố G, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa đứng tên Hà Thị Cẩm V. Hiện nay, ông M chưa làm thủ tục sang tên ông vì bà T có đơn kiến nghị gửi phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 13/2/2018, ông yêu cầu bà T đến Phòng Công chứng Tr ký Biên bản thỏa thuận. Ông nhận nợ là nhận số nợ ghi trong giấy vay và số nợ ghi trong Biên bản thỏa thuận là đúng số tiền chị V vay bà T chứ ông không nhận trả nợ thay cho chị V. Chị V không có văn bản ủy quyền cho ông trả nợ thay nên ông không trả.

Bà T ép ông ký Biên bản thỏa thuận ngày 13/02/2018 vì bà T nói ông không ký sẽ kiện chị V còn ký vào để cho bà T cầm sổ đỏ hợp pháp thì bà T sẽ không kiện nữa. Ông nhận nợ cho chị V để chị V được nhẹ tội. Ông không có bằng chứng, chứng minh về việc bà T ép ông ký biên bản thỏa thuận ngày 13/02/2018.

Chị V đồng ý cho ông bán nhà đất để trả tiền cho bà T nhưng ông không bán vì đất đó chưa sang tên ông. Ông đề nghị bà T phối hợp với cơ quan nhà nước bán nhà đất thửa 470 để trả tiền cho bà T, khi đó bà T cho chị V bao nhiêu tiền là quyền của bà T.

3- Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Cẩm V trình bày và đề nghị: Ngày 02/12/2017, chị có vay bà T số tiền 1.550.000.000đ (*Một tỉ năm trăm năm mươi triệu đồng*) để đảo sổ ngân hàng và kinh doanh, không thỏa thuận lãi. Chị chưa trả cho bà T số tiền này. Ngày 13/2/2018, ông M và bà T thỏa thuận về việc ông M nhận trả nợ cho bà T chị có biết và đồng ý. Ngày 31/01/2018, vợ chồng chị đã tặng cho ông M nhà và thửa đất 470, đến nay hợp đồng vẫn còn hiệu lực. Chị đồng ý cho ông M và bà T bán nhà đất để trả tiền cho bà T Tổng số tiền bán nhà đất thì trả cho bà T 2/3, số

tiền còn lại 1/3 thì giao cho ông M quản lý, sử dụng.

- Tại Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 370, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T: Buộc ông Hà Văn M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền: 1.550.000.000đ và tiền lãi 566.599.314 đồng, tổng cộng: 2.116.599.000 đồng (*Hai tỉ, một trăm mười sáu triệu, năm trăm chín chín nghìn đồng*)(*Làm tròn số*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông M phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 03/6/2021, bị đơn ông Hà Văn M có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Hủy bản án sơ thẩm 04/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn ông Hà Văn M thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Hà Thị Cẩm V phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền 1.550.000.000 đồng, ông M không có nghĩa vụ phải trả mà chỉ phối hợp với bà T để bán tài sản là nhà và đất tại 470 tờ bản đồ 36 diện tích 315.4m² đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BS732411 do UBND huyện Tr cập ngày 21/12/2015, vào sổ cấp GCN: CH004252 - số 4082/QĐ-UBND tại địa chỉ số 265, phố G, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa đứng tên Hà Thị Cẩm V để bà T thu hồi nợ.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:**

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của ông Hà Văn M, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 04/2021/DS - ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông M là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị T khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn M thực hiện nghĩa vụ trả số tiền theo Biên bản thỏa thuận 13/2/2018, là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Hà Văn M:

[2.1] Đơn kháng cáo của ông M làm theo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hà Văn M:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không xuất trình được bản gốc giấy vay tiền giữa bà T và chị V ngày 02/12/2017, với lý do bà T trình bày: Sau khi ông M và bà T ký thỏa thuận về việc ông M nhận nợ thay cho chị V thì ông M đã yêu cầu bà T phải đưa giấy vay tiền gốc cho ông M; Ông M khẳng định không giữ giấy vay tiền gốc nói trên. Tuy nhiên chị V và bà T đều thống nhất ngày 02/12/2017, chị V vay của bà T số tiền 1.550.000.000 đồng, chị V viết và ký giấy vay tiền, thời hạn vay là 6 tháng; chị V chưa trả cho bà T số tiền vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị V là người có nghĩa vụ trả tiền trong giấy vay tiền ngày 02/12/2017 là chính xác.

Ngày 13/02/2018, ông M (bố của chị V) ký Biên bản thỏa thuận với bà T về việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo tiền vay, tại Văn phòng công chứng Tr; Nội dung biên bản thỏa thuận thể hiện: Ông M nhận nợ số tiền chị V vay của bà T là 1.550.000.000 đồng; ông M có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc 1.550.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 14/02/2018 đến ngày 14/02/2019; lãi suất tính theo lãi suất năm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; thời gian tính lãi từ 14/6/2018 đến ngày 14/02/2019 (từ ngày 14/02/2018 đến ngày 13/6/2018 miễn lãi). Ông M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 470 và Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất giữ vợ chồng chị V và ông M ngày 31/01/2018 cho bà T quản lý, khi nào trả hết nợ thì bà T phải trả lại giấy tờ trên cho ông M. Mọi giấy tờ giao dịch vay giữa bà T và chị V ký trước ngày 13/02/2018 không có giá trị pháp lý. Phần cuối của biên bản thỏa thuận có đầy đủ chữ ký và điểm chỉ của bên nhận nợ là ông Hà Văn M, bên cho vay là bà Trịnh Thị T và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Tr chứng nhận cùng ngày 13/02/2018 (Bút lục 08).

Như vậy có sự khác nhau giữa tiêu đề và nội dung của biên bản, mặc dù tên tiêu đề là thỏa thuận thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay nhưng nội dung bên trong lại chứa đựng nội dung thỏa thuận về chuyển giao nghĩa vụ nên xác định đây là cơ sở để phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông M đối với bà T là chính xác.

Ông M cho rằng khi lập và ký biên bản này, ông bị ép buộc và chị V không ủy quyền cho ông việc trả nợ thay cho chị V. Tuy nhiên quá trình giải quyết ông không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh ông bị ép buộc. Hơn nữa cũng

tại biên bản thỏa thuận này có dòng chữ "mọi giấy tờ giao dịch vay giữa bà T và con tôi (Hà Thị Cẩm V) ký trước ngày 13/12/2018 đều không có giá trị pháp lý". Như vậy, thể hiện việc bằng biên bản thỏa thuận này quan hệ vay mượn giữa chị V và bà T tại giấy vay tiền ngày 02/12/2017 đã chấm dứt, ông M nhận nợ với bà T khoản vay trên của chị V thì ông phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền này cho bà T là hợp lý, đúng quy định. Mặc dù, chị V không ký vào biên bản thỏa thuận ngày 13/02/2018, nhưng chị V biết và không phản đối nội dung thỏa thuận giữa bà T và ông M, thể hiện tại Bản án số 28/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án tỉnh Thanh Hóa và lời khai của chị Vân tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2021 Bút lục 16, 93, 95).

Như vậy, kể từ ngày 13/02/2018 nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.550.000.000đồng của chị V đã được chuyển giao cho ông M và được sự đồng ý của bà T. Thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ của các đương sự phù hợp với Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông M phải trả cho bà T số tiền 2.116.599.314 đồng, trong đó nợ gốc là 1.550.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 93.636.986 đồng, lãi quá hạn là 472.962.328 đồng là có căn cứ.

Ông M kháng cáo yêu cầu buộc chị Hà Thị Cẩm V phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền 1.550.000.000 đồng, ông M có trách nhiệm phối hợp với bà T để bán tài sản là nhà và đất tại 470 tờ bản đồ 36 diện tích 315.4m² đất ở đã được UBND huyện Tr cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BS732411 ngày 21/12/2015 cho chị Hà Thị Cẩm V để trả nợ cho bà T là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông M thuộc trường hợp là người cáo tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Bác kháng cáo của ông Hà Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ: Điều 370, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T: Buộc ông Hà Văn M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền: 1.550.000.000đ và tiền lãi 566.599.314 đồng, tổng cộng: 2.116.599.000 đồng (*Hai tỉ một trăm mười sáu triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*)(*Làm tròn số*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông M phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông M được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu